PAST CONTINUOUS

I- CẤU TRÚC CỦA THÌ QUÁ KHỨ TIẾP DIỄN

1. Khẳng định:

S + was/were + V-ing

Trong đó: S (subject): chủ ngữ

V-ing: động từ thêm "–ing"

CHÚ Ý:

- S = I/ He/ She/ It + was

- S = We/ You/ They + were

Ví dụ:

- She was cooking dinner at 5 p.m yesterday.(Cô ấy đang nấu bữa tối vào lúc 5h chiều hôm qua)

- They were playing badminton when I came yesterday. (Họ đang chơi cầu lông khi tôi đến ngày hôm qua.)

2. Phủ định:

S + wasn't/ weren't + V-ing

Câu phủ định tả chỉ cần thêm "not" ngay sau "to be".

CHÚ Ý:

- was not = wasn't

- were not = weren't

Ví dụ:

- He wasn't working when his boss came yesterday.

- We weren't watching TV at 9 p.m yesterday.

3. Câu hỏi:

Was/ Were + S + V-ing ?

LIVEWORKSHEETS

Trả lời: Yes, I/ he/ she/ it + was. – No, I/ he/ she/ it + wasn't.

Yes, we/ you/ they + were. – No, we/ you/ they + weren't.

Câu hỏi ta chỉ cần đảo "to be" lên trước chủ ngữ.

Ví dụ:

- Was your mother going to the market at 7 a.m yesterday?

Yes, she was./ No, she wasn't.

- Were they staying with you when I called you yesterday?

Yes, they were./ No, they weren't.

II- CÁCH SỬ DỤNG CỦA THÌ QUÁ KHỨ TIẾP DIỄN

1. Dùng để diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ.

Ví dụ:

- At 12 o'clock yesterday, we were having lunch. (Vào lúc 12h ngày hôm qua, chúng tôi đang ăn trưa.)

Ta thấy "lúc 12h ngày hôm qua" là một giờ cụ thể trong quá khứ, vào tại thời điểm này thì việc "ăn trưa" đang diễn ra nên ta sử dụng thì quá khứ tiếp diễn.

- At this time 2 days ago, I was travelling in America. (Vào thời gian này cách đây 2 ngày, tôi đang du lịch bên Mỹ.)

2. Dùng để diễn tả một hành động đang xảy ra thì một hành động khác xen vào.

- Hành động đang xảy ra chia thì quá khứ tiếp diễn, hành động xen vào chia thì quá khứ đơn.

Ví dụ:

- He was chatting with his friend when his mother came into the room. (Cậu ta đang tán gẫu với bạn khi mẹ cậu ta vào phòng.)

Ta thấy có hai hành động đều xảy ra trong quá khứ: "tán gẫu với bạn" và "mẹ vào phòng". Vào thời điểm đó hành động "tán gẫu với bạn" đang diễn ra thì bị xen ngang bởi hành động "mẹ vào phòng". Vậy hành động đang diễn ra ta sẽ chia thì quá khứ tiếp diễn.

LIVEWORKSHEETS

- They were working when we got there. (Họ đang làm việc khi chúng tôi tới đó.)

3. Diễn tả hai hành động đồng thời xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ, trong câu có "while".

Tại một thời điểm trong quá khứ khi có 2 hành động đồng thời đang diễn ra sẽ chia cả hai hành động đó ở thì quá khứ tiếp diễn.

Ví dụ:

- My mother was cooking lunch while my father was cleaning the floor at 10 am yesterday. (Mẹ tôi đang nấu ăn trong khi bố tôi đang lau nhà lúc 10h sáng hôm qua.)

- I was studying English while my brother was listening to music last night. (Tôi đang học tiếng Anh trong khi anh trai tôi đang nghe nhạc tối hôm qua.)

III- DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

+ Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian trong quá khứ kèm theo thời điểm xác định.

- at + giờ + thời gian trong quá khứ (at 12 o'clock last night,…)

- at this time + thời gian trong quá khứ. (at this time two weeks ago, …)

- in + năm (in 2000, in 2005)

- in the past (trong quá khứ)

+ Trong câu có "when" khi diễn tả một hành động đang xảy ra và một hành động khác xen vào.

PAST SIMPLE

I. Choose the best answer

Question 1. One day, Mai An Tiem ____ a bird eating a red fruit.

A. see **B.** saw **C.** is seeing **D.** was seeing

Question 2. She _____ to visit her grandparents with her parents last week.

A. goes **B.** gone **C.** went **D.** was going

Question 3. They _____ the bus yesterday.

A. don't catch **B.** weren't catch **C.** didn't catch **D.** not catch

Question 4. My father _____ tired when I _____ home.

LIVEWORKSHEETS

A. was – got **B.** is – get **C.** was – getted **D.** were – got

Question 5. Where _____ your family ____ on the summer holiday last year?

A. do/do **B.** does/go **C.** did/go **D.** did/went

Question 6. Alice started _____ very quickly when she ____ footsteps behind her.

A. to run/hears **B.** to run/heard

C. running/is hearing **D.** running/hears

Question 7. If I ____ a lot of money, I would share it with you.

A. have **B.** has **C.** had **D.** having

Question 8. The wolf ___ to Granny's house and _____ Granny.

A. ran/swallowed **B.** ran/was swallowing

C. was running/swallowed **D.** had run/swallowed

Question 9. The eagle ___ him and ___ to help.

A. had heard/was agreeing **B.** heard/agreed

C. was hearing/agreed **D.** heard/had agreed

Question 10. The tortoise ____ hard-working, so he _____ the race.

A. did/had won **B.** had/was winning

C. was being/won **D.** was/won

II. Put the verb in brackets in the correct form.

Question 11. He (buy) _____ me a big teddy bear on my birthday last week.

Question 12. They (watch) _____TV late at night yesterday.

Question 13. They (not be) _____ excited about the film last night.

Question 14. The waitress (tell)_____ us to come back in two hours.

Question 15. We (drive) _____ around the parking lot for 20 mins to find a parking space.

PAST CONTINUOUS

LIVEWORKSHEETS

1. Choose the best answer

Question 1. When our brother _____ us a frightening story, suddenly there _____ a big knock on the door.

A. was telling/was **B.** were telling/was **C.** told/was **D.** tells/is

Question 2. What _____ at that time yesterday?

A. were you doing **B.** are you doing **C.** did you do **D.** were you do

Question 3. I saw the accident when I _____ for the taxi.

A. were waiting **B.** was waitingC **C.** waiting **D.** waited

Question 4. While people were talking to each other, he_____ his book.

A. was reading **B.** is reading **C.** read **D.** reads

Question 5. While we _____ basketball in the park, Mary fell over.

A. were playing **B.** played **C.** play **D.** playing

Question 6. My mother _____ a fairy tale story for me at 9 p.m last night.

A. telling **B.** tells **C.** was telling **D.** told

Question 7. When the cock _____ food in the garden, he saw a big jewelry box.

A. was found **B.** finds **C.** found **D.** was finding

Question 8. While the tortoise was running to the finish at his best, the hare _____ soundly.

A. slept **B.** was sleeping **C.** were sleeping **D.** was slept

Question 9. While the grasshopper _____ music, the ants was busy with storing up food for winter.

A. sang and enjoyed **B.** was singing and enjoyed

C. was singing and enjoying **D.** sings and enjoys

Question 10. When the mouse came to the lion's cave, he _____ in there.

A. isn't sleeping **B.** wasn't slept **C.** didn't sleep **D.** wasn't sleeping

II. Put the verb in brackets in the correct form.

LIVEWORKSHEETS

Question 11. The tourist lost his camera while he (walk)_____ around the city.

Question 12. At this time last year, I (attend) _____an English course.

Question 13. When we met them last year, they (live) _____ in Santiago.

Question 14. I (prepare) ___ dinner for my family at six o'clock yesterday.

Question 15. The kids (play) _____ in the garden when it suddenly began to rain.

LIVEWORKSHEETS